

Rx Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc

KAMA-BFS

Magnesi aspartat, kali aspartat

Để xa tâm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Thành phần: Mỗi lọ 10 ml chứa:

Hoạt chất:

Magnesi aspartat 400 mg (dưới dạng magnesi aspartat dihydrat)

Kali aspartat 452 mg (dưới dạng kali hydrogen aspartat hemihydrat)

Tá dược: Nước cất pha tiêm vừa đủ 10 ml.

Dạng bào chế: Dung dịch tiêm

Chỉ định:

Bổ trợ trong điều trị một số bệnh tim mạn tính (suy tim, tình trạng sau nhồi máu cơ tim) và loạn nhịp tim (chủ yếu là rối loạn nhịp thất). Bổ trợ trong điều trị bằng digitalis.

Liều lượng và cách dùng:

Dung dịch tiêm **KAMA-BFS** được dùng bằng cách tiêm truyền tĩnh mạch chậm.

Pha loãng 1 - 2 ống **KAMA-BFS** trong 50-100 ml dung dịch glucose 5% tiêm truyền tĩnh mạch chậm (truyền dịch nhỏ giọt chậm).

Có thể dùng tiếp 1 liều nữa sau 4 - 6 giờ (nếu cần)

Chống chỉ định:

Bệnh nhân có tiền sử quá mẫn với bất cứ thành phần nào của thuốc.

Bệnh nhân suy thận cấp và mạn tính, vô niệu, bệnh nhân mắc bệnh Addison, loạn nhịp tim nặng hoặc suy tim nặng, tăng kali máu, bệnh nhân đang điều trị thuốc lợi tiểu kali.

Chống chỉ định dùng thuốc để tiêm tĩnh mạch nhanh, vì tiêm tĩnh mạch nhanh có thể gây tăng kali máu dẫn đến loạn nhịp tim, cũng có thể gây đỏ da, nóng bừng mặt.

Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc

Với một số bệnh có khuynh hướng tăng kali huyết, việc sử dụng thuốc phải có sự giám sát y tế (kiểm tra ion đồ và acid - base thường xuyên).

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú:

Độ an toàn của Kama-BFS trong khi có thai và cho con bú chưa được xác định. Chỉ nên dùng thuốc này cho bệnh nhân có thai hoặc những phụ nữ nghi ngờ đang có thai và phụ nữ cho con bú nếu lợi ích điều trị dự tính hơn hẳn bất kỳ nguy cơ nào có thể xảy ra.

Ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc:

Chưa có những nghiên cứu về ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

Tương tác, tương kỵ của thuốc:

Khi dùng đồng thời **KAMA-BFS** với các thuốc lợi tiểu giữ kali và/hoặc các chất

ức chế enzym chuyển đổi angiotensin, thuốc chẹn beta, cyclosporin, heparin, NSAIDs, có thể dẫn đến tăng kali huyết.

Thuốc kháng cholinergic làm giảm nhu động đường ruột.

Làm giảm hiệu quả của neomycin, polymyxin B, tetracycline và streptomycin.

Trong trường hợp tiêm tĩnh mạch hiệu quả các thuốc chống cao huyết áp tăng.

Tác dụng không mong muốn của thuốc:

Khi tiêm tĩnh mạch nhanh, những triệu chứng tăng kali/magnesi huyết có thể xảy ra.

Thông báo ngay cho bác sĩ khi gặp phải các tác dụng không mong muốn của thuốc.

Quá liều và cách xử trí:

Chưa có báo cáo về sự cố quá liều.

Nếu quá liều, nồng độ magnesi và kali trong máu có thể tăng cao gây ra một số triệu chứng. Cần phải ngừng thuốc ngay và điều trị triệu chứng (tiêm tĩnh mạch dung dịch calci clorid 100 mg/phút, thẩm tách lọc máu nếu cần).

Đặc tính dược lực học:

Nhóm dược lý: Các loại thuốc tim mạch khác/Chất điện giải

Mã ATC: A12CX80

Mg⁺⁺ và K⁺ là những cation nội bào quan trọng. Chúng đóng một vai trò quan trọng trong chức năng của nhiều loại enzym, liên kết đại phân tử với các yếu tố của tế bào, cơ chế phân tử của co thắt cơ. Sự co thắt cơ tim bị ảnh hưởng bởi tỷ số của nồng độ nội và ngoại bào K⁺, Ca⁺⁺, Na⁺, Mg⁺⁺. Aspartat là chất nội sinh, đóng vai trò một chất vận chuyển ion phù hợp: do đó có ái lực mạnh với tế bào và các muối aspartat ít phân ly nên các ion thẩm vào tế bào dưới dạng phức chất. Kali-magnesi aspartat kích thích chuyển hóa cơ tim.

Sự thiếu hụt kali và magnesi có thể góp phần gây tăng huyết áp, rối loạn xơ cứng mạch vành, loạn nhịp tim và bệnh cơ tim.

Đặc tính dược động học:

Chưa có thông tin đầy đủ.

Quy cách đóng gói: 10 ml/lọ nhựa. Hộp 10 lọ nhựa.

Bảo quản: Trong bao bì kín, tránh ẩm, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS

Nhà sản xuất



Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội

Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín,

Thành phố Hà Nội.

T4-18-100625-T02497-C00301

Kích thước 95 x 165 mm

Font chữ: Myriad pro